

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11-10-2019

V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn S

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngh và ông Nguyễn Đình L

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tuyết M - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Th – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2019 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, G các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Tr, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn Thanh L, xã Trung M, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn Vân G, xã VH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị Tr trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 18 tháng 4 năm 2014, trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T, được khoảng 2 tháng anh T vi phạm pháp luật và bị xử phạt 04 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian anh T

đi chấp hành án chị đã về ở nhà bố mẹ đẻ chị ở, tại thôn Thanh L, xã Trung M, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến tháng 9 năm 2018 anh T chấp hành án xong và về ở cùng với chị tại nhà mẹ đẻ chị được khoảng 01 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống do tính tình không hợp nhau nên anh chị cãi cọ nhau thường xuyên, anh T về nhà bố mẹ anh ở từ tháng 10 năm 2018 và sống ly thân chị từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị không quan hệ tình cảm gì. Mặc dù hai gia đình có dàn xếp để anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh không có con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, được Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T cũng như việc tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Anh T không có yêu cầu phản tố cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục chung đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tr.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng như nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr, chị Tr được ly hôn anh T. Về con chung: Không có. Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác. Không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Tr có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện TD giải quyết Tranh chấp về ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc thuộc trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ Thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[4]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Tr và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 2 tháng thì anh T vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án 4 năm 6 tháng tù. Thời gian anh T đi chấp hành án chị đã bỏ về sống cùng với bố mẹ đẻ chị. Đến tháng 9 năm 2018 anh T chấp hành án xong và anh về ở cùng với chị được khoảng 01 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, anh T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh, chị sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh, chị không quan hệ tình cảm gì. Mặc dù hai gia đình có dàn xếp để anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Quá trình xác minh tại địa phương được biết anh T hiện đang đi làm ăn ở nơi khác nhưng thỉnh thoảng anh vẫn về nhà và anh vẫn liên lạc về gia đình, anh có biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị Tr nhưng anh cố tình không đến Tòa án giải quyết, mục đích chỉ để gây khó khăn, kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Điều này chứng tỏ tình cảm giữa chị Tr và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Tr xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5]. Về con chung: Chị Tr và anh T không có con chung.

[6]. Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Tr không đề nghị tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tr được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Chị Tr và anh T không có con chung.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Tr phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo biên lai thu số AA/2017/0002626 ngày 19 tháng 3 năm 2019. Chị Tr đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự.
- UBND xã VH;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn S

